

Mẫu số: B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 3	Lũy kế từ đầu năm	Quý 3	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	95.230.601.349	190.901.321.551	8.786.074.018	97.854.398.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.02	1.258.106.872	2.958.082.623	813.717.555	1.627.903.493
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	10	VI.03	93.972.494.477	187.943.238.928	7.972.356.463	96.226.495.084
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	87.089.907.018	149.599.063.320	4.355.633.134	47.389.414.097
5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ	20		6.882.587.459	38.344.175.608	3.616.723.329	48.837.080.987
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	6.161.072.120	17.598.094.646	8.344.148.879	37.217.926.836
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	921.766.020	4.050.674.413	540.835.300	2.112.309.837
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		361.988.169	666.623.832	419.950.907	2.154.738.917
8. Chi phí bán hàng	24			1.286.725.618	320.024.533	2.716.145.388
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.333.465.208	24.801.826.708	8.923.016.690	25.879.542.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.788.428.351	25.803.043.515	2.176.995.685	55.347.010.290
11. Thu nhập khác	31		319.491.713	1.007.274.018	469.245.775	749.719.659
12. Chi phí khác	32		20.428.983	69.050.831	53.292.861	1.302.242.373
13. Lợi nhuận khác	40	VI.07	299.062.730	938.223.187	415.952.914	(552.522.714)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.087.491.081	26.741.266.702	2.592.948.599	54.794.487.576
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	234.966.730	4.812.071.315		11.097.963.394
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.09	4.852.524.351	21.929.195.387	2.592.948.599	43.696.524.182
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10				

Lập, ngày 12 tháng 11 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Quang Tín

Trần Minh Phú